

Số: **85** /BC – BDT

Bắc Giang, ngày **17** tháng 9 năm 2014

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác dân tộc 9 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ những tháng cuối năm 2014

Căn cứ Công văn số 921/UBND-TH ngày 06/9/2014 của Ủy Ban Dân tộc về việc báo cáo kết quả công tác dân tộc 9 tháng đầu năm 2014; Ban Dân tộc báo cáo kết quả thực hiện công tác dân tộc 9 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ những tháng cuối năm:

I. TÌNH HÌNH Ở VÙNG DÂN TỘC

Trong 9 tháng đầu năm 2014, nhìn chung, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đoàn kết dân tộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số được giữ vững, ổn định. Hoạt động của các đạo giáo tuân thủ theo pháp luật.

Do điều kiện thời tiết diễn biến thất thường, cơn bão số 2 đã ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của bà con vùng dân tộc ở 3 huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam (01 ngôi nhà bị đổ sập hoàn toàn, 01 ngôi nhà bị đổ tường, hàng chục ngôi nhà, trạm y tế, trường học bị tốc mái; nhiều kè chắn, bờ đập, ngầm bị sạt lở, hư hỏng; trên 300 ha diện tích lúa và hoa màu bị ngập úng và vùi lấp). Sau khi bão tan, UBND tỉnh đã chỉ đạo các huyện khẩn trương khắc phục thiệt hại, triển khai các biện pháp ổn định đời sống, hỗ trợ sản xuất.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, CHÍNH SÁCH DÂN TỘC 9 THÁNG ĐẦU NĂM

1. Công tác chỉ đạo điều hành:

UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh và UBND các huyện chủ động nắm tình hình đời sống, di dân tự do đối với đồng bào dân tộc thiểu số; di dân tái định cư trường bản TB1 để báo cáo Tỉnh uỷ, UBND tỉnh và Ủy ban Dân tộc để thăm hỏi, động viên, có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

Ngay từ đầu năm, Ban Dân tộc đã chủ động tham mưu cho UBND tỉnh giao kế hoạch các dự án, chính sách, ban hành văn bản hướng dẫn kịp thời, tạo điều kiện cho các huyện, các chủ đầu tư triển khai thực hiện.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, ngăn chặn những việc làm sai quy định, gây lãng phí, thất thoát trong quá trình tổ chức thực hiện tại địa phương; thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các huyện khẩn trương triển khai thực hiện chương trình; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung chính sách tới đồng bào và các đối tượng thụ hưởng.

2. Kết quả thực hiện các chính sách do Ủy Ban Dân tộc quản lý:

2.1. Chương trình 135

Tổng vốn: 61.350 triệu đồng (vốn đầu tư 45.800 triệu đồng, vốn sự nghiệp 15.550 triệu đồng), thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đầu tư xây dựng, và duy tu, bảo dưỡng các công trình. Đến 30/8/2014 khối lượng thực hiện ước đạt 52.400 triệu đồng, giải ngân 26.300,621 /61.350 triệu đồng, bằng 42,8% kế hoạch, cụ thể:

a. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất:

Tổng vốn đầu tư là 12.710 triệu đồng, giao cho các xã làm chủ đầu tư. Nội dung hỗ trợ: mua thóc giống, ngô giống, lợn nái Móng Cái, gà giống, cam Đường canh, máy cày tay nhỏ... Hiện nay, các chủ đầu tư đang tiến hành cung ứng cho các đối tượng thụ hưởng. Khối lượng thực hiện ước đạt 10.000 triệu đồng, giải ngân đến 30/8/2014 là 2.962,212/12.710 triệu đồng bằng 23,3% kế hoạch. Dự kiến hoàn thành kế hoạch trong quý IV/2014.

b. Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng:

Tổng vốn Trung ương phân bổ đợt I năm 2014: 45.800 triệu đồng, giao các xã làm chủ đầu tư, thực hiện thanh toán công trình đã quyết toán, công trình chuyển tiếp, đầu tư xây dựng mới và lồng ghép 134 công trình (Thủy lợi: 22 công trình, Giao thông: 73 công trình, Trường học: 10 công trình; Y tế: 02 công trình; Nhà văn hóa: 26 công trình; Nước SHTT: 01 công trình). Đến nay 134/134 công trình đã được khởi công xây dựng có 85 công trình đã hoàn thành (Sơn Động: 19 công trình, Lục Ngạn: 22 công trình, Lục Nam 13 công trình, Yên Thế: 20 công trình), khối lượng thực hiện (bao gồm cả các công trình chuyển tiếp) ước đạt 40.000 triệu đồng, giải ngân 22.138,409/45.800 triệu đồng, bằng 48,4% KH. Dự kiến các công trình sẽ hoàn thành, đủ khối lượng thanh toán trong quý IV/2014.

c. Duy tu, bảo dưỡng các công trình sau đầu tư:

Tổng vốn 2.840 triệu đồng, giao cho UBND các xã làm chủ đầu tư, thực hiện duy tu 21 công trình tại các xã, thôn bản ĐBKK thuộc 4 huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế. Đến ngày 30/8/2014 có 13/21 công trình hoàn thành các công trình còn lại chủ đầu tư đang triển khai thực hiện. Khối lượng thực hiện ước đạt 2.400 triệu đồng, giải ngân 1.200/2.840 triệu đồng bằng 42,2% kế hoạch.

2.2. Quyết định 102/2009/QĐ-TTg

Tổng vốn năm 2014: 10.052,240 triệu đồng, hỗ trợ 105.933 khẩu nghèo thuộc 25.517 hộ trên địa bàn 62 xã, thị trấn vùng khó khăn (các xã khu vực II, khu vực III theo Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc) thuộc 5 huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang. Nội dung hỗ trợ: hỗ trợ mua giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất và hỗ trợ bằng tiền mặt. Đến nay, các xã đã hoàn thành các nội dung hỗ trợ cho người dân, khối lượng thực hiện và giải ngân đạt 10.052,240 triệu đồng bằng 100% kế hoạch.

2.3. Quyết định 755/QĐ-TTg

Tổng vốn 2.000 triệu đồng, đã hỗ trợ xây dựng 2 công trình nước sinh hoạt tập trung tại xã An Lạc, Long Sơn của huyện Sơn Động. Hiện nay, 2/2 công trình đã

được khởi công xây dựng; tiến độ thực hiện ước đạt 1.500 triệu đồng khối lượng xây lắp, giải ngân 600 triệu đồng bằng 30% kế hoạch.

2.4. Chính sách đối với Người có uy tín

Sau khi có Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-UBDT-BTC ngày 10/01/2014 giữa Ủy ban Dân tộc và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện. Ban Dân tộc đã chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 256/2014/QĐ-UBND ngày 12/5/2014 Quy định một số chính sách đối với người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; chỉ đạo các huyện, hướng dẫn các xã rà soát, kiện toàn danh sách người có uy tín. Sau khi kiện toàn tổng số người có uy tín năm năm 2014 là 533 người được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 22/7/2014.

Trong 9 tháng đầu năm Ban Dân tộc đã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ: Gặp mặt tặng quà nhân dịp Tết nguyên đán người có uy tín ở các huyện Sơn Động, Lục Nam, Yên Thế và Tân Yên; tổ chức Hội nghị cho đại biểu cử tri là người có uy tín trong đồng bào DTTS dự buổi tiếp xúc cử tri của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Giang trước kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIII ; tổ chức đưa 50 người có uy tín đi tham quan học tập kinh nghiệm tại Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình; cung cấp kịp thời Báo Bắc Giang 01 tờ/01 kỳ/người, 01 bản tin dân tộc/số/người cho người có uy tín nhằm cung cấp thông tin, nâng cao hiểu biết và khả năng tuyên truyền, vận động.

3. Các chính sách dân tộc do các bộ, ngành khác quản lý

Ngoài các chính sách dân tộc được giao quản lý, vùng dân tộc tỉnh Bắc Giang còn triển khai nhiều các chính sách khác liên quan đến xóa đói, giảm nghèo: Chính sách theo Nghị Quyết số 30a đối với huyện nghèo Sơn Động, chính sách hỗ trợ tiền điện, chính sách dạy nghề và giải quyết việc làm, chính sách đối với học sinh, sinh viên, chính sách về y tế, bảo trợ xã hội và triển khai 14/16 Chương trình mục tiêu quốc gia. Nhìn chung các chính sách đã được triển khai đầy đủ, đúng đối tượng và đảm bảo tiến độ theo kế hoạch.

Các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đã góp phần rất lớn trong công tác giải quyết việc làm, tạo việc làm mới cho người lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đời sống của đại bộ phận nhân dân được cải thiện trên nhiều mặt. Môi trường sống của người dân nông thôn được cải thiện đáng kể, sức khoẻ nhân dân được quan tâm chăm sóc, bảo vệ, giải quyết khó khăn về nước sinh hoạt cho nhân dân vùng cao, giảm tỷ lệ bệnh tật do sử dụng nguồn nước không hợp vệ sinh, giảm tỷ lệ mắc và tử vong của một số bệnh có tính chất nguy hiểm đối với cộng đồng.

4. Đề án giảm nghèo đối với 13 xã của huyện Lục Ngạn (Chính sách giảm nghèo đặc thù của tỉnh)

Được thực hiện theo Nghị quyết số 19/2009/NQ-HĐND ngày 09/01/2009 của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ giảm nghèo đối với 13 xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 50% của huyện Lục Ngạn đến năm 2015. Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng các công trình thủy lợi nhỏ:

+ Nguồn vốn đầu tư năm 2014 là 5.740 triệu đồng thực hiện đầu tư xây dựng 8 công trình thủy lợi nhỏ tại 8 xã. Đến nay các công trình cơ bản đã thi công xong, đang chuẩn bị bàn giao đưa vào sử dụng.

- Hỗ trợ sản xuất:

Tổng kinh phí được giao năm 2014 là 3.036,19 triệu đồng hỗ trợ lợn giống cho các hộ nghèo. Đến nay đã hỗ trợ 768 con lợn thịt F1 cho 768 hộ nghèo, kinh phí thực hiện 1.344 triệu đồng, tỷ lệ lợn sống đạt 100% và đang phát triển tốt; dự kiến sẽ hoàn thành việc cấp 559 con lợn nái móng cái cho 559 hộ nghèo đã được bình xét. Công tác triển khai tổ chức thực hiện hỗ trợ đảm bảo đúng đối tượng, đúng thủ tục theo quy định.

III. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc

Ban Dân tộc đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản như: Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 16/4/2014 về việc thực hiện Chiến lược và Chương trình hành động công tác dân tộc đến năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 359/KH-UBND ngày 20/02/2014 về việc thực hiện Chương trình 135 năm 2014-2015; Quyết định số 495/2014/QĐ-UBND ngày 01/8/2014 về Ban hành quy định tiêu chí phân nhóm xã, thôn theo mức độ khó khăn và định mức phân bổ vốn Chương trình 135 năm 2015 và giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch số 1266/KH-UBND ngày 19/5/2014 về thực hiện Đề án Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2014-2020; Quyết định 954/QĐ-UBND ngày 03/7/2014 về việc phê duyệt đề án thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quyết định 755/QĐ-TTg; Quyết định số 256/2014/QĐ-UBND ngày 12/5/2014 Quy định một số chính sách đối với người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc từ tỉnh đến huyện, xã được kiện toàn (Ban Dân tộc tỉnh, 4 phòng Dân tộc tại 4 huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế; các huyện khác có thực hiện chính sách dân tộc đều cử từ 1-2 người tại phòng Nội vụ, phòng Kế hoạch - Tài chính để theo dõi, quản lý về công tác dân tộc) đã chủ động trong công tác nắm tình hình, tham mưu với cấp ủy và chính quyền ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành, hướng dẫn triển khai thực hiện các chính sách đối với đồng bào dân tộc.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước

Ngay từ đầu năm, cơ quan ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền chính sách dân tộc và phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào DTTS với nhiều hình thức phong phú; thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Ban Biên tập bản tin Dân tộc tỉnh Bắc Giang, phát hành Bản tin Dân tộc Quý I, II cấp cho trên 500 người uy tín trong đồng bào DTTS, phòng dân tộc các huyện, các cơ quan

có chương trình phối hợp về công tác dân tộc; phát hành Bản tin Dân tộc quý III-số đặc biệt chào mừng Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Giang lần II.

Tổ chức hội thi tìm hiểu pháp luật cho người nông thôn và đồng bào DTTS khu vực 04 xã vùng lòng hồ Cẩm Sơn, huyện Lục Ngạn. Thông qua Hội thi tạo điều kiện cho cán bộ và nhân dân được giao lưu, trao đổi, nâng cao kiến thức, từng bước hình thành thói quen sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật góp phần phát triển kinh tế-xã hội". Thường xuyên cập nhật hoạt động của Ban, các chính sách mới, quy định mới của Đảng và Nhà nước liên quan đến vùng dân tộc thiểu số đăng trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Ngay từ đầu năm Ban Dân tộc đã xây dựng kế hoạch tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chính sách dân tộc. Đến nay, đã hoàn thiện 02 cuộc thanh tra việc thực hiện Chương trình 135, dự án xây dựng CSHT thuộc CTMTQG giảm nghèo, Quyết định 102/QĐ-TTg, Quyết định 1592/QĐ-TTg tại huyện Yên Thế, Lục Nam; triển khai kế hoạch thanh tra tại các xã của huyện Lục Ngạn; tổ chức nhiều Đoàn kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất thực hiện kiểm tra tại cơ sở về việc tổ chức, triển khai các dự án, chính sách 9 tháng đầu năm; đôn đốc các huyện, đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, chính sách năm 2014 và kế hoạch thực hiện năm 2015.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo: trong 9 tháng đầu năm 2014, Ban Dân tộc đã tiếp nhận 4 đơn khiếu nại của công dân, sau khi xem xét nội dung đơn, 4 đơn không thuộc thẩm quyền đã chuyển đơn và hướng dẫn công dân đến cơ quan chức năng giải quyết theo thẩm quyền.

4. Công tác tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số cấp huyện, cấp tỉnh lần thứ II

4.1 Công tác tổ chức Hội nghị đại biểu các dân tộc thiểu số cấp xã và Đại hội cấp huyện

Thực hiện hướng dẫn, chỉ đạo của Ban chỉ đạo Đại hội cấp tỉnh, UBND các huyện đã ban hành Kế hoạch tổ chức Đại hội, thành lập Ban chỉ đạo Đại hội cấp huyện; xây dựng kế hoạch, chương trình chi tiết, phân công nhiệm vụ cho các thành viên BCD, các phòng, ban, đơn vị liên quan và đã bắt tay vào triển khai thực hiện các nội dung của Đại hội cùng cấp và chỉ đạo các xã tổ chức Hội nghị đại biểu các DTTS cấp xã.

Đến hết tháng 7/2014, BCD Đại hội các huyện đã chỉ đạo tổ chức xong Hội nghị đại biểu các DTTS tại 70 xã thuộc những xã có tỷ lệ người DTTS từ 20% trở lên và các xã đặc biệt khó khăn; tổ chức tặng giấy khen của Trưởng Ban Dân tộc, Chủ tịch UBND các huyện, các xã cho hơn 500 tập thể, cá nhân tiêu biểu (trong đó Trưởng Ban Dân tộc tặng 13 Giấy khen) và bầu, cử được 485 đại biểu đi dự Đại hội cấp huyện, tỉnh.

Đến 10/9/2014, 4/4 huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế đã tổ chức thành công Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số lần II. Trong quá trình tổ chức triển khai, BCD các huyện đã bám sát chương trình kế hoạch hướng dẫn của tỉnh. Các thành viên trong BCD huyện đã tập trung chỉ đạo các xã hoàn thành sớm việc tổ chức hội nghị đại biểu các DTTS cấp xã và bầu cử đại biểu đi dự Đại

hội cấp huyện; các Tiểu ban giúp việc đã tập trung thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền trước và trong Đại hội; xây dựng ảnh, hiện vật và chương trình giao lưu văn nghệ trong thời gian diễn ra Đại hội.

4.2. Công tác chuẩn bị cho Đại hội cấp tỉnh

Đến 15/9/2014, Thường trực BCD Đại hội tỉnh (Ban Dân tộc tỉnh) đã cơ bản đã hoàn thành công tác chuẩn bị cho Đại hội như chuẩn bị các văn kiện trình bày tại Đại hội, công tác thi đua khen thưởng, phân bổ đại biểu chính thức và phát hành giấy mời, công tác tuyên truyền, chương trình giao lưu văn hóa văn nghệ, công tác hậu cần và các điều kiện khác. Theo kế hoạch Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Giang lần thứ II sẽ diễn ra từ ngày 01-02/10/2014 tại Thành Phố Bắc Giang.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ KHÁC

- Trong 9 tháng đầu năm đã phối hợp với Hội Nông dân tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tổ chức lễ ký kết chương trình phối hợp thực hiện công tác dân tộc giai đoạn 2014-2020.

- Chuẩn bị nội dung, tham gia buổi làm việc với Tập đoàn Hóa chất Việt Nam để bàn về việc hỗ trợ tỉnh thực hiện chương trình giảm nghèo an sinh xã hội;

- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Mô hình thí điểm về dịch vụ tư vấn, hỗ trợ bình đẳng giới tại xã Biên Sơn, huyện Lục Ngạn.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tài chính đối với các chương trình, chính sách; phát hành và lưu chuyển văn bản kịp thời; đảm bảo hậu cần chu đáo phục vụ các đợt công tác của lãnh đạo Ban và cán bộ công chức, các hoạt động thường xuyên, đột xuất của cơ quan. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho cán bộ, nhân viên trong cơ quan.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Nhìn chung tình hình kinh tế- văn hóa- xã hội, trật tự an toàn xã hội và đời sống đồng bào dân tộc thiểu số cơ bản ổn định, không có điểm nóng xảy ra; đời sống của đồng bào từng bước được cải thiện, đời sống tinh thần được nâng lên thông qua việc tổ chức Đại hội DTTS các xã, huyện và các hoạt động vui chơi, giải trí, lễ hội truyền thống do chính quyền địa phương tổ chức.

- Các dự án, chính sách đối với đồng bào dân tộc thuộc phạm vi quản lý được Chủ tịch UBND tỉnh sớm giao kế hoạch, ban hành văn bản hướng dẫn kịp thời, tạo điều kiện cho các huyện chủ động triển khai thực hiện. Tính đến 15/9/2014, các chỉ tiêu, nhiệm vụ đều đạt kế hoạch đề ra từ đầu năm.

2. Hạn chế

- Việc triển khai thực hiện các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số một số nơi chưa chủ động, công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các chính sách dân tộc, nắm tình hình đồng bào chưa kịp thời để báo cáo, phản ánh, xin ý kiến chỉ đạo để giải quyết những khó khăn, vướng mắc, vấn đề phát sinh trong vùng dân tộc và thực hiện các chính sách dân tộc.

- Việc xây dựng và ban hành hướng dẫn, cơ chế tổ chức thực hiện của Trung ương còn chậm và chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ ngành, một số quy định thường xuyên thay đổi gây khó khăn cho địa phương trong công tác triển khai thực hiện.

- Các chính sách dân tộc miền núi của Đảng, Nhà nước tuy đã được triển khai đầu tư trong nhiều năm nhưng mức đầu tư còn thấp, nguồn vốn theo Chương trình 135 mới phân bổ vốn đạt 43% so với định mức quy định, ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả của các chính sách. Công tác tuyên truyền vận động, lập kế hoạch, lồng ghép các dự án chính sách trên địa bàn còn hạn chế do mỗi chính sách đều có cơ chế riêng.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM

1. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến mục đích, ý nghĩa, nội dung của Chương trình, chính sách đến cán bộ đảng viên, nhân dân với nhiều hình thức để hiểu được từ đó tích cực tham gia và giám sát thực hiện, huy động tối đa sự tham gia của cộng đồng để tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách dân tộc trên địa bàn.

2. Chủ động nắm tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu theo Quyết định 256/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

3. Khẩn trương hoàn thiện các nội dung đảm bảo tổ chức thành công Đại hội Đại biểu các dân tộc thiểu số cấp tỉnh lần II với tinh thần trang trọng, chu đáo, tiết kiệm, hiệu quả.

4. Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2014-2015 gửi Sở Kế hoạch đầu tư tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện dự án, chính sách tại cơ sở, ngăn chặn những việc làm sai quy định, gây lãng phí, thất thoát và kịp thời tháo gỡ khó khăn trong tổ chức thực hiện tại địa phương. Tiến hành 02 cuộc thanh tra việc tổ chức thực hiện Chương trình 135, dự án xây dựng CSHT thuộc CTMTQG giảm nghèo, Quyết định 102/QĐ-TTg, Quyết định 1592/QĐ-TTg, đối với các xã thuộc 2 huyện Sơn Động, Lục Ngạn.

6. Chủ trì phối hợp với các ngành, UBND các huyện tiến hành rà soát, đánh giá hiệu quả các chính sách dân tộc (đặc biệt chương trình 135), đẩy mạnh công tác giải ngân thanh quyết toán vốn đầu tư, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014.

7. Tổ chức Hội nghị tổng kết công tác dân tộc, các chương trình phối hợp với các ngành về công tác dân tộc, đề ra phương hướng nhiệm vụ, biện pháp thực hiện năm 2015.

VII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Với Chính phủ

1.1. Đề nghị Chính phủ bổ sung nguồn vốn đầu tư Chương trình 135 năm 2014 theo định mức quy định tại Quyết định 551/QĐ-TTg để các địa phương

chủ động hơn trong việc đầu tư và đầu tư có trọng điểm, đảm bảo thoát nghèo từng khu vực, từng khu dân cư, tránh tình trạng dàn trải;

1.2. Đề nghị Chính phủ phân bổ vốn thực hiện Quyết định 54/2012/QĐ-TTg năm 2014, tăng định mức cho vay đối với mỗi hộ DTTS bằng với định mức cho vay đối với hộ nghèo; bổ sung kinh phí thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg để hỗ trợ đất sản xuất và nước sinh hoạt cho hơn 12.000 hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số đang sống tại những xã thuộc vùng khó khăn;

1.3. Đối với Quyết định 102/2009/QĐ-TTg: đề nghị mở rộng đối tượng thụ hưởng cho cả đối tượng là hộ cận nghèo sinh sống ở vùng khó khăn; tăng mức hỗ trợ lên 100.000 đồng/khẩu đối với hộ cận nghèo, 150.000/khẩu đối với hộ nghèo ở xã khu vực II và 150.000 đồng/khẩu đối với hộ cận nghèo, 200.000 đồng/khẩu đối với hộ nghèo ở xã khu vực III cho phù hợp với tình hình hiện nay. Bổ sung nguồn vốn để thực hiện hỗ trợ cho các khẩu nghèo tại các xã an toàn khu của huyện Hiệp Hòa.

2. Các Bộ, ngành Trung ương

2.1. Đề nghị Ủy ban Dân tộc cùng các bộ ngành Trung ương Ban hành hướng dẫn về cơ chế lồng ghép các dự án chính sách cùng đầu tư trên địa bàn để tỉnh có cơ sở tổ chức thực hiện.

2.2. Đề nghị Bộ Xây dựng sớm ban hành thông tư hướng dẫn Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135.

2.3. Bộ Nông nghiệp và PTNT sớm ban hành thông tư hướng dẫn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất để địa phương có cơ sở, định hướng thực hiện dự án năm 2015.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác dân tộc 9 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ những tháng cuối năm, Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang tổng hợp báo cáo./.

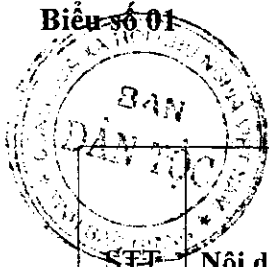
Nơi nhận:

- Ủy ban Dân tộc;
- Vụ Địa Phương I - Ủy ban Dân tộc;
- Lưu VT.
- * Bản điện tử:
- Tỉnh ủy; UBND tỉnh; - Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Vụ Tổng hợp - Ủy ban Dân tộc;
- UBND các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế; Lạng Giang; Tân Yên; Hiệp Hòa;
- Phòng Dân tộc và Nội vụ các huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Tân Yên, Lạng Giang;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Hiệp Hòa.
- Lãnh đạo Ban, các phòng chuyên môn, bộ phận.



Nhữ Văn Nam

Biểu số 01



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH 135
 (Kèm theo Báo cáo số ..85../BC-BDT ngày 17/9/2014 của Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Khối lượng		Số hộ hưởng lợi	Vốn Thực hiện (tr.đ)		Vốn giải ngân (CT135) (%)	Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện		Tổng vốn	NSTU		
	Tổng					9.903,52	9.903,52	23,3	
I	Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư								
1	Cây trồng								
	<i>Cây lương thực</i>	Kg		909	172	100	100		
	<i>Cây ăn quả</i>	Cây		14.275	153	470	470		
2	Vật nuôi								
	<i>Gà</i>	Con		50.926	543	1.174,87	1.174,87		
	<i>Lợn</i>	Con		20.679	1.193	3.135,489	3.135,489		
	<i>Ngan</i>	Con		28.600	363	670	670		
	Vật tư								
	<i>Phân bón</i>	kg		158.122	3.878	3.598,765	3.598,765		
II	Hỗ trợ máy móc thiết bị								
	Máy, thiết bị, công cụ phục vụ bảo quản sản phẩm	Chiếc		221	310	754,4	754,4		

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG CHƯƠNG TRÌNH 135
(Kèm theo Báo cáo số ..85./BC-BDT ngày 17/9/2014 của Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang)

STT	Tên loại công trình	Số lượng công trình	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Nguồn vốn		Tình hình thực hiện CT 135		Ghi chú
				Vốn NSTU	Vốn Lồng Ghép	Vốn giao Chương trình 135	Vốn giải ngân (%)	
	Tổng cộng	176	48.640	48.640		42.400	48	
I	Công trình khởi công mới	134	38.560,7	38.560,7		33.060,7	46,4	
1	Công trình giao thông	73	18.830	18.830		16.610,7	54	
2	Công trình thủy lợi	22	5.540	5.540		4.500	37,4	
3	Công trình Y tế	2	750	750		750	43,1	
4	Công trình trường học	10	5.541,5	5.541,5		4.000	29,4	
5	Công trình nước sinh hoạt tập trung	1	250	250		200	0	
6	Công trình nhà văn hóa	26	7.649,2	7.649,2		7.000	48,8	
II	Công trình chuyển tiếp	13	3.537	3.537		3.537	70,2	
1	Công trình giao thông	3	581	581		581	92,4	
2	Công trình điện	1	400	400		400	91,8	
3	Công trình trường học	4	1.356	1.356		1.356	55,2	
4	Công trình nhà văn hóa	5	1.200	1.200		1.200	69,2	
III	Thanh toán công trình đã quyết toán	8	2.402,3	2.402,3		2.402,3	71,7	
6	Công trình giao thông	1	119	119		119	88,7	
7	Công trình thủy lợi	1	28.5	28.5		28.5	100	
8	Công trình trường học	5	2.191,8	2.191,8		2.191,8	69,7	
9	Công trình nhà văn hóa	1	63	63		63	100	
	Vốn chờ phân bổ		1.300	1.300		1.300		

IV	Duy tu bảo dưỡng công trình	21	2.840	2.840		2.400	42,2	
1	Công trình giao thông	2	305	305				
2	Công trình thủy lợi	8	1.350	1.350				
3	Công trình nhà văn hóa	5	445	445				
4	Công trình trường học	5	690	690				
5	Công trình phụ trợ trụ sở UBND xã	1	50	50				

Biểu 03

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM QUYẾT ĐỊNH SỐ 102/TTG

(Kèm theo báo cáo số 85/BC-BDT ngày 17/9/2014 của Ban Dân tộc tỉnh Bắc Giang)

TT	Huyện, Tên hàng	Số hộ	Số khẩu	Khối lượng				Số hộ	Số khẩu	Kinh phí (Đồng)			Ước thực hiện cả năm
				Đơn vị tính	Kế hoạch	thực hiện	% KH/TH			Kế hoạch	Thực hiện	% KH/TH	
	Tổng cộng	25.785	107.792					25.785	107.792	9.597.332	9.597.332	100	100
	<i>Giống cây trồng</i>			kg	18.431	18.431	100			399.663	399.663	100	100
	<i>Vật tư nông nghiệp</i>			kg	933.521	933.480	100			8.776.749	8.776.749	100	100
	<i>Tiền mặt</i>			khẩu	4.939	4.939	100			420.920	420.920	100	100
I	Huyện Sơn Động	6.096	26.542					6.096	26.542	2.518.393	2.518.393	100	100
1	Hỗ trợ bằng hiện vật				340.852	340.862	100			2.512.533	2.512.533		
	<i>Giống cây trồng</i>			kg	18.431	18.431				399.663	399.663		
	<i>Vật tư nông nghiệp</i>			kg	322.431	322.431				2.112.870	2.112.870		
2	Hỗ trợ bằng tiền mặt				70	70	100			5.860	5.860		
II	Huyện Lục Ngạn	11.082	48.646					11.082	48.646	4.548.582	4.548.582	100	100
1	Hỗ trợ bằng hiện vật						100			4.476.302	4.476.302		
	<i>Vật tư nông nghiệp</i>			kg	254.266	254.265				4.476.302	4.476.302		
2	Hỗ trợ bằng tiền mặt			khẩu	779	779	100			72.280	72.280		
III	Huyện Lục Nam	5.413	21.820					5.413	21.820	1.576.157	1.576.157	100	100
1	Hỗ trợ bằng hiện vật						100			1.417.297	1.417.297		
	<i>Vật tư nông nghiệp</i>			kg	215.488	215.448				1.417.297	1.417.297		
2	Hỗ trợ bằng tiền mặt			khẩu	1.912	1.912	100			158.860	158.860		
IV	Huyện Yên Thế	2.889	9.818					2.889	9.818	876.920	876.920	100	100
1	Hỗ trợ bằng hiện vật						100			770.280	770.280		
	<i>Vật tư nông nghiệp</i>			kg	141.336	141.336				770.280	770.280		
2	Hỗ trợ bằng tiền mặt			khẩu	1.212	1.212	100			106.640	106.640		
V	Huyện Lạng Giang	305	966					305	966	77.280	77.280	100	100
	Hỗ trợ bằng tiền mặt			khẩu	966	966	100			77.280	77.280		